

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021,  
kế hoạch triển khai Chương trình năm 2022**

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2021**

Năm 2021 là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025, trên cơ sở hơn 10 năm triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị xã hội và sự tham gia tích cực của người dân; UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Quảng Trị đã tập trung chỉ đạo, điều hành, tháo gỡ những khó khăn, triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021 đảm bảo các mục tiêu đã đề ra, kết quả cụ thể như sau:

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện Chương trình**

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021 với những nội dung cụ thể như sau:

- Ban hành Chương trình công tác trọng tâm về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của BCĐ các chương trình MTQG tỉnh. Chỉ đạo các Sở, ban ngành cấp tỉnh và các địa phương phấn đấu đạt chuẩn tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp, kịp thời hỗ trợ các xã tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để phấn đấu hoàn thành mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 đã đề ra;

- Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025 và Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020;

- Xây dựng phương án, kế hoạch hỗ trợ 04 huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng đạt chuẩn huyện nông thôn mới và hỗ trợ huyện Cam Lộ trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu trước năm 2025;

- Chủ động bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để hỗ trợ các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021; kịp thời phân bổ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho các địa phương;



- Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện, đánh giá các bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; kịp thời cụ thể hóa các văn bản của Trung ương về bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp để ban hành bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh ngay từ đầu năm 2022;

- Chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xây dựng nông thôn mới, như: Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay trong phát triển sản xuất, kinh doanh thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Quy chế thi đua khen thưởng trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Chỉ đạo các Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng nông thôn mới thuộc ngành, địa phương quản lý; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương;

- Tham mưu Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 04/11/2021 về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Ban hành Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

*(Văn bản chỉ đạo, điều hành các cấp có Phụ lục 01 kèm theo)*

## **2. Công tác truyền thông về xây dựng nông thôn mới**

Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới tiếp tục được chú trọng và phát huy hiệu quả; tạo sự lan tỏa mạnh mẽ và có tác động tích cực đến nhận thức của cán bộ các cấp và người dân trong xây dựng nông thôn mới. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tiếp tục phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí đẩy mạnh tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới và Chương trình OCOP; thường xuyên cập nhật tin tức trên trang thông tin điện tử [nongthonmoi.quangtri.gov.vn](http://nongthonmoi.quangtri.gov.vn) và [ocop.quangtri.gov.vn](http://ocop.quangtri.gov.vn), cũng như fanpage “Sản phẩm OCOP Quảng Trị”.

Các Sở, ngành đã triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nên đã huy động được sự tham gia vào cuộc, đóng góp tích cực của người dân trong triển khai nhiều hoạt động; các đơn vị, địa phương xem việc tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, không ngừng nâng cao chất lượng về mặt nội dung, hình thức đăng tải; các địa phương đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua các sự kiện, các ngày lễ hội, qua đó góp phần tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về xây dựng nông thôn mới, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.



### **3. Công tác đỡ đầu, phụ trách các xã xây dựng nông thôn mới**

Thực hiện Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh về phân công địa bàn phụ trách, đỡ đầu xây dựng nông thôn mới; các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh đã tích cực chủ động triển khai hỗ trợ các nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Một số đơn vị đã hướng dẫn, huy động lòng ghép các nguồn lực, phối hợp thường xuyên và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực phụ trách đối với các xã được phân công đỡ đầu. Những hoạt động của các đơn vị đã giúp các xã hoàn thành một số tiêu chí như: giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở dân cư, môi trường,... góp phần giúp các xã đạt chuẩn nông thôn mới, hướng tới xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu thực sự bền vững; các Sở, ngành có nhiều hoạt động tiêu biểu như: Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường. Bên cạnh những kết quả đạt được, một số phần việc chỉ mới dừng lại ở mức hướng dẫn, tư vấn, chưa thực sự huy động được nhiều nguồn lực hỗ trợ trực tiếp cho các địa phương được Sở, ngành đỡ đầu, phụ trách nhằm góp phần nâng cao các tiêu chí.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Về Quy hoạch**

Hiện nay, các quy hoạch nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2011-2020 đã hết thời hạn quy hoạch, một số đồ án quy hoạch không còn phù hợp với các đặc điểm của địa phương, đặc biệt tại các xã có sự thay đổi về địa giới hành chính cũng như đặc điểm kinh tế xã hội do sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã. Tuy nhiên, các địa phương đã chủ động tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, là cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đảm bảo phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn 2021-2025.

Công tác triển khai xây dựng quy hoạch vùng huyện cũng được đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch tỉnh, đồng thời hoàn thiện tiêu chí quy hoạch cho xây dựng huyện nông thôn mới.

### **2. Về hạ tầng kinh tế xã hội**

Hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn tiếp tục được cải thiện, phục vụ thiết thực hơn cho đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân nông thôn, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn theo hướng khang trang, hiện đại, cụ thể:

- Về giao thông: kịp thời khôi phục, cải tạo đường giao thông địa phương, nhất là các đoạn tuyến bị thiệt hại do mưa lũ cuối năm 2020; bố trí nguồn vốn bảo trì đường bộ, sự nghiệp giao thông, nguồn vốn dự án LRAMP với 278.979 triệu đồng để sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường huyện, đường xã, đường giao thông nông thôn với hơn 2.525km; đến nay, có 79/101 xã đạt tiêu chí giao thông (chiếm 78,2%);



- Về thủy lợi: kịp thời khắc phục các công trình thủy lợi, tưới tiêu bị hư hỏng do thiên tai; diện tích tưới trong 2 vụ sản xuất Đông Xuân và Hè Thu, diện tích nuôi trồng thủy hải sản được đảm bảo, đạt kế hoạch đề ra; công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được ngành nông nghiệp và các địa phương chủ động triển khai, đảm bảo an toàn về người và tài sản, nhất là bảo vệ sản xuất và sản phẩm sau thu hoạch; đến nay, có 94/101 xã đạt tiêu chí thủy lợi (chiếm 93,1%);

- Về điện: tiếp tục triển khai Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (do EU tài trợ) cho 21 xã trên địa bàn các huyện: Hướng Hóa, Gio Linh, Hải Lăng; nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, chống quá tải lưới điện phân phối cho các xã; đến nay, có 101/101 xã đạt tiêu chí điện (đạt 100%);

- Về trường học: đã ban hành kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025<sup>1</sup>; triển khai xây dựng đề án đảm bảo cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non, phổ thông; tiếp tục triển khai có hiệu quả đề án xóa phòng học tạm, phòng học mượn, nhà ở công vụ cho giáo viên, phát triển hệ thống phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; toàn tỉnh có 210/367 trường (khỏi các trường công lập) đạt chuẩn quốc gia, chiếm 57,2%; trong đó, mầm non có 100/147 trường, tiểu học có 40/67 trường, TH&THCS có 37/80 trường, THCS có 21/43 trường, THPT có 12/24 trường, THCS&THPT có 0/7 trường, các địa phương đang từng bước đầu tư để đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; đến nay, có 66/101 xã đạt tiêu chí trường học (chiếm 65,3%);

- Về cơ sở vật chất văn hóa: việc đầu tư xây dựng, sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh dần đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần cho các tầng lớp nhân dân; có 95/125 xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa - thể thao, trong đó có 82/95 trung tâm đạt chuẩn; có 763/797 thôn, bản, khu phố có nhà văn hóa - khu thể thao, trong đó có 498/763 nhà văn hóa, khu thể thao đạt chuẩn; một số cơ sở vật chất văn hóa đang còn xuống cấp, hư hỏng, không đảm bảo diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị và công trình phụ trợ; đến nay, có 74/101 xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa (chiếm 73,2%).

- Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: tiếp tục đưa vào kế hoạch đầu tư cho các chợ (chợ Tân Liên, chợ Tân Long, chợ Tà Rụt, chợ Cam Nghĩa) để đảm bảo quy hoạch và nhu cầu phát triển chợ của các địa phương; Xây dựng các điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP để hỗ trợ, kết nối sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh; đến nay, có 100/101 xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (chiếm 99%).

- Về thông tin và truyền thông: tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, triển khai Đề án “Đầu tư, nâng cấp đài truyền thanh cơ sở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2025”; đến nay, có 95/101 xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (chiếm 94%);

<sup>1</sup> Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh



- Về nhà ở dân cư: trong năm 2021 các Sở, ngành được giao đỡ đầu, phụ trách các xã xây dựng nông thôn mới đã tích cực kêu gọi, vận động nguồn lực, lồng ghép các chương trình để hỗ trợ xây dựng các công trình nhà ở dân cư, như: Ủy ban MTTQVN tỉnh hỗ trợ 05 nhà đại đoàn kết trị giá 260 triệu đồng, Công an tỉnh xây dựng 06 nhà cho các hộ gia đình đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã Hướng Linh với trị giá 500 triệu đồng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tặng 01 ngôi nhà “thăm tình quân dân” cho gia đình học sinh nghèo vượt khó trị giá 70 triệu đồng; đến nay, có 77/101 xã đạt tiêu chí nhà ở dân cư (chiếm 76,2%).

### 3. Về kinh tế và tổ chức sản xuất

Thực hiện mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, trong năm 2021, nền sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực; triển khai hiệu quả Phương án số 5841/PA-UBND ngày 18/12/2020 về khôi phục khẩn cấp thiệt hại do thiên tai trong sản xuất nông nghiệp; nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, canh tác tự nhiên và liên kết trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm được hình thành<sup>2</sup>; công tác tập huấn, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất trong tình hình mới<sup>3</sup>; nhờ vậy, thu nhập và đời sống của người dân vùng nông thôn ngày càng cải thiện, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới; đến nay, có 70/101 xã đạt tiêu chí thu nhập (chiếm 69,3%).

Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện, trong năm 2021 đã công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm và cấp giấy chứng nhận cho 38 sản phẩm OCOP (gồm 9 sản phẩm 4 sao và 29 sản phẩm 3 sao)<sup>4</sup>; các sản phẩm OCOP của tỉnh đang từng bước khẳng định được giá trị và chất lượng trên thị trường và được người dân tin nhiệm, nhiều sản phẩm đã được lựa chọn làm quà tặng trong các các sự kiện lớn. Công tác đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện; đến hết năm 2021, toàn tỉnh có 280 Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp và 01 Liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, trong đó có 56% HTX xếp loại khá, tốt. Công tác đào tạo nghề lao động nông thôn được đẩy mạnh, tăng cường lựa chọn và mời gọi các doanh nghiệp xuất khẩu lao động có uy tín đến tuyển chọn tạo nguồn xuất khẩu lao động; đến nay, có 99/101 xã đạt tiêu chí lao động có việc làm thường xuyên và 76/101 xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất.

<sup>2</sup> Liên kết với CTCP nông sản hữu cơ Quảng Trị, CTCP tổng công ty Thương mại Quảng Trị phát triển lúa hữu cơ, canh tác tự nhiên hơn 240ha; liên kết sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với Sumitomo tại các địa phương với 3.500m<sup>2</sup>; mô hình sản xuất hồ tiêu theo hướng hữu cơ với hơn 170ha; mở rộng liên kết sản xuất và tiêu thụ chanh leo với công ty Nafod Tây Bắc lên gần 100ha;...

<sup>3</sup> Thực hiện 26 chuyên mục nông nghiệp, cấp phát 14.040 cuốn bản tin nông nghiệp, tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho khoảng 5.000 lượt nông dân, tổ chức 20 hội nghị đầu bờ cho gần 1.000 lượt nông dân tham gia.

<sup>4</sup> Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh



Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo thông qua nâng cao thu nhập cho hộ gia đình, hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên nguồn lực thực hiện chính sách đối với vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, giảm khoảng cách về thu nhập và đời sống trên từng địa bàn, nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả; đến nay, có 72/101 xã đạt tiêu chí hộ nghèo (chiếm 71,3%).

### **5. Về văn hóa - xã hội - môi trường**

- Sự nghiệp giáo dục, đào tạo tiếp tục được quan tâm và phát triển toàn diện; công tác huy động số lượng học sinh đến trường được thực hiện nghiêm túc và đạt kết quả tốt; tiếp tục duy trì vững chắc kết quả phổ cập đối với giáo dục mầm non 5 tuổi và giáo dục tiểu học đạt 100%, đối với giáo dục cấp THCS đạt 96%; tiếp tục triển khai hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; đến nay, có 83/101 xã đạt tiêu chí giáo dục (chiếm 82%);

- Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn được đẩy mạnh; công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày được nâng cao về chất lượng; cơ sở vật chất trang thiết bị về y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư; đội ngũ cán bộ y tế cơ sở ngày càng được tăng cường về chất lượng chuyên môn. Ngành y tế đã chủ động, tích cực phối hợp với các ban ngành liên quan triển khai các biện pháp phòng chống dịch Covid-19, góp phần đảm bảo an sinh đời sống của người dân nông thôn nói riêng, toàn tỉnh nói chung; tiếp tục duy trì kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, tiếp tục huy động sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và sự đóng góp của người dân trong việc đầu tư cho y tế; đến nay, có 88/101 xã đạt tiêu chí y tế (chiếm 87%);

- Chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đã có những tác động tích cực đến xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ gia đình được công nhận văn hóa đạt 93,5%, tỷ lệ làng, bản, khu phố được công nhận văn hóa đạt 98%; đến nay, có 97/101 xã đạt tiêu chí văn hóa (chiếm 96%);

- Môi trường nông thôn được cải thiện, góp phần thay đổi diện mạo, bộ mặt của các làng quê; các phong trào “ngày chủ nhật xanh”, “chống rác thải nhựa”, “ánh sáng đường quê”,... được các cấp, các ngành tích cực triển khai; công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường khu vực nông thôn và phát động các phong trào quần chúng bảo vệ môi trường được thực hiện có hiệu quả. Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước sạch đạt 62,23%, tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng hợp vệ sinh đạt 92,14%. Công tác quản lý, thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được chú trọng; đã phê duyệt kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn toàn tỉnh; đến nay, có 67/101 xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm (chiếm 66,3%).



## 6. Về hệ thống chính trị

- Hệ thống chính trị ở cơ sở thường xuyên được củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng, đóng vai trò hạt nhân trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng nông thôn mới; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, nhất là ở cấp xã được đẩy mạnh; thực hiện việc sắp xếp, bố trí và giải quyết chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã dồi dào thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; công tác phổ biến giáo dục pháp luật và xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được đẩy mạnh với 93 xã đạt chuẩn TCPL; đến nay, có 89/101 xã đạt tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (chiếm 88,1%);

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới được triển khai bằng nhiều biện pháp phù hợp, đem lại hiệu quả thiết thực; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh được đẩy mạnh ở các địa phương. Thực hiện tốt phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng hàng năm; đến nay, có 99/101 xã đạt tiêu chí quốc phòng và an ninh (chiếm 98%).

## 7. Kết quả huy động nguồn lực

Tổng nguồn lực huy động cho xây dựng nông thôn mới trong năm 2021 là 11.081.655 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương bố trí trực tiếp cho Chương trình là 8.970 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương là 177.207 triệu đồng (gồm: ngân sách tỉnh là 30.000 triệu đồng, ngân sách cấp huyện là 107.921 triệu đồng, ngân sách xã là 39.286 triệu đồng);

- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án là 355.152 triệu đồng;

- Huy động doanh nghiệp, HTX, các loại hình kinh tế khác là 76.400 triệu đồng;

- Vốn tín dụng là 10.352.994 triệu đồng;

- Huy động đóng góp của nhân dân (kể cả ngày công, hiện vật quy đổi thành tiền) là 110.932 triệu đồng.

*(Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo)*

## 8. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình năm 2021

Năm 2021, toàn tỉnh có thêm 06 xã dự kiến được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (gồm: xã Hải Định, Triệu Độ, Triệu Long, Gio Việt, Trung Giang, Vĩnh Hà), nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 63/101 xã (chiếm 62,3%), đạt mục tiêu của tỉnh đã đề ra<sup>5</sup>; tiêu chí bình quân toàn tỉnh là 16,1 tiêu chí/xã (tăng 0,1 tiêu chí/xã so với cuối năm 2020), trong đó:

<sup>5</sup> Theo Nghị quyết số 83/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh



- Về hiện trạng tiêu chí:

+ Số xã đạt 19 tiêu chí là 59 xã (chiếm 58,4% số xã); vẫn còn 04 xã đã được công nhận đạt chuẩn nhưng chưa giữ vững các tiêu chí, gồm: Tân Liên, Tân Long, Tân Thành, Hải Phú;

+ Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí là: 15 xã (chiếm 14,8% số xã);

+ Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 11 xã (chiếm 10,9% số xã);

+ Số xã đạt từ 7-9 tiêu chí: 16 xã (chiếm 15,8% số xã)

*(Chi tiết có Phụ lục 03 kèm theo)*

- Về sụt giảm tiêu chí: Trong năm 2021, toàn tỉnh có 18 xã bị sụt giảm từ 1-2 tiêu chí so với cuối năm 2020; trong đó, có 3 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới là: Tân Liên, Tân Long, Tân Thành (huyện Hướng Hóa)<sup>6</sup> và 15 xã chưa đạt chuẩn (thuộc huyện Hướng Hóa và Đakrông) là Hướng Lập (giảm tiêu chí 16), Hướng Linh (giảm tiêu chí 15), Hướng Tân (giảm tiêu chí 3, 16), Húc (giảm tiêu chí 15), Thuận (giảm tiêu chí 2, 19), Hướng Lộc (giảm tiêu chí 15), Thanh (giảm tiêu chí 15), Xy (giảm tiêu chí 15), A Dơi (giảm tiêu chí 3, 15), Ba Tầng (giảm tiêu chí 15), Lìa (giảm tiêu chí 15, 16), A Ngo (giảm tiêu chí 6), Tà Long (giảm tiêu chí 8), Ba Lòng (giảm tiêu chí 13, 18), Hướng Hiệp (giảm tiêu chí 16)<sup>7</sup>.

### III. MỘT SỐ HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021, tuy nhiên, hệ thống khung pháp lý và văn bản hướng dẫn thực hiện giai đoạn 2021-2025 chưa được Trung ương ban hành; vì vậy, ảnh hưởng rất lớn đến việc rà soát tiêu chí nông thôn mới cấp xã, huyện và việc xây dựng kế hoạch, định hướng thực chương trình giai đoạn 2021-2025;

- Nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương năm 2021 cho Chương trình nông thôn mới chưa được phân bổ, nguồn sự nghiệp Trung ương chỉ được phân bổ bằng 30% so với năm 2020 nên hạn chế về nguồn lực để hỗ trợ các xã phấn đấu đạt chuẩn, cũng như duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí; nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương giao muộn (tháng 8/2021) đã ảnh hưởng đến công tác triển khai và giải ngân nguồn kinh phí được giao;

- Năm 2021 cũng là năm các địa phương tiếp tục khắc phục hậu quả của thiên tai năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát kết quả xây dựng nông thôn mới tại các địa phương, cũng như huy động nguồn lực và triển khai các nội dung của Chương trình trong năm 2021; tác động đến các hoạt động phát triển kinh tế của người dân nông thôn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ hoàn thành và mức độ bền vững của một số tiêu chí như: thu nhập, hộ nghèo, tổ chức sản xuất, an ninh trật tự nông thôn,...;

<sup>6</sup> Xã Tân Long, Tân Liên, Tân Thành sụt giảm tiêu chí Thu nhập, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; xã Tân Long sụt giảm tiêu chí Quốc phòng và An ninh, do trong năm xảy ra nhiều vụ ma túy.

<sup>7</sup> Nguyên nhân sụt giảm tiêu chí: về tiêu chí 2 (giao thông), tiêu chí 3 (thủy lợi), tiêu chí 6 (cơ sở vật chất văn hóa), do ảnh hưởng của thiên tai năm 2020 chưa khắc phục được; về tiêu chí 8 (thông tin và truyền thông), do hệ thống loa truyền thanh hư hỏng, xuống cấp; về tiêu chí 15 (y tế), do tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi không đạt; về tiêu chí 16 (văn hóa), do các thôn, bản không đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa và không đề nghị xét; về tiêu chí 13 (tổ chức sản xuất), do hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả; về tiêu chí 18 (hệ thống chính trị), do cán bộ bị kỷ luật; về tiêu chí 19 (quốc phòng, an ninh), do trong năm xảy ra nhiều vụ ma túy.



- Các xã đạt chuẩn càng về sau càng khó, trong 7 xã phần đầu đạt chuẩn năm 2021 có 01 xã sáp nhập (xã Hải Định), có 4 xã bãi ngang (Gio Việt, Trung Giang, Triệu Độ, Gio Mai), 01 xã vùng miền núi khó khăn (xã Vĩnh Hà);

- Kết quả xây dựng nông thôn mới của một số vùng miền vẫn còn khoảng cách chênh lệch lớn (điển hình như, huyện Hải Lăng đạt bình quân 18,53 tiêu chí/xã, huyện Triệu Phong đạt bình quân 18,47 tiêu chí/xã; trong khi đó huyện Hướng Hóa đạt bình quân 11,47 tiêu chí/xã, huyện Đakrông đạt bình quân 10,25 tiêu chí/xã);

- Chất lượng đạt chuẩn và công tác duy trì bền vững kết quả của một số xã sau đạt chuẩn còn hạn chế, đặc biệt là tiêu chí môi trường, thu nhập, an ninh trật tự xã hội. Một số xã sau đạt chuẩn có tình trạng hài lòng, thỏa mãn với kết quả đạt được, thiếu quyết liệt trong việc duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí để hướng đến nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Chất lượng các công trình cơ sở hạ tầng sau khi đạt chuẩn ở một số địa phương đã có dấu hiệu xuống cấp do chưa được quan tâm, duy tu bảo dưỡng thường xuyên, ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân về kết quả đạt chuẩn. Thậm chí có một số địa phương bị giảm tiêu chí.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2022**

#### **I. MỤC TIÊU PHẦN ĐẦU NĂM 2022**

Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo hướng tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả và đảm bảo tính bền vững, ưu tiên hỗ trợ các xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn. Phần đầu cuối năm 2022, toàn tỉnh có 68,3% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương đương 69/101 xã), có 6,9% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu (tương đương 07/101 xã)<sup>8</sup>.

#### **II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2022**

- Kịp thời ban hành các bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh vào đầu quý II năm 2022 để làm cơ sở cho các địa phương thực hiện; chỉ đạo các huyện, thị xã chủ động ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững;

- Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân nông thôn về các nội dung, yêu cầu của chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; nâng cao chất lượng phong trào “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới”;

<sup>8</sup> Theo Kết luận số 175-KL/TU ngày 06/12/2021 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 149/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh



- Chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2021-2025 (đã được ban hành tại Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh) để chủ động xây dựng kế hoạch triển khai; lựa chọn nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, tập trung chỉ đạo và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện, phấn đấu hoàn thành mục tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2022;

- Xây dựng kế hoạch huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, kế hoạch hỗ trợ 9 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn giai đoạn 2022-2025. Kế hoạch đỡ đầu, hỗ trợ các xã miền núi khó khăn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các ngành, địa phương kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG và hệ thống bộ máy giúp việc, tham mưu cho Ban chỉ đạo một cách đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới chuyên trách ngày càng chuyên nghiệp; ưu tiên bố trí người có tâm huyết, đủ năng lực cho bộ máy tham mưu về xây dựng nông thôn mới;

- Tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện Chương trình; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn vốn NSTW và NSDP đầu tư cho các địa bàn khó khăn, đảm bảo tập trung, hiệu quả tránh dàn trải, phân tán làm lãng phí nguồn vốn; thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; tăng cường vận động nguồn lực từ các doanh nghiệp, các tổ chức để thu hẹp khoảng cách phát triển nông thôn giữa các vùng miền;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể các cấp, vai trò chủ thể của người dân trong giám sát, phản biện về kết quả xây dựng nông thôn mới ở cơ sở;

- Xây dựng, trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Xây dựng cơ chế lồng ghép, thực hiện có hiệu quả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn gắn với trách nhiệm đỡ đầu của các thành viên BCD; góp phần nâng cao các tiêu chí nông thôn mới ở các xã vùng đặc biệt khó khăn;

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các Sở, ngành, thành viên Ban chỉ đạo tỉnh trong việc theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương xây dựng nông thôn mới. Thực hiện có hiệu quả công tác đỡ đầu, phụ trách các địa phương xây dựng nông thôn mới; xem xét, đề xuất một số doanh nghiệp lớn, tiềm năng tham gia đỡ đầu, hỗ trợ một số xã đặc biệt khó khăn.



### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

#### 1. Đối với Trung ương

- Kính đề nghị Chính phủ ban hành đồng bộ hệ thống văn bản về cơ chế, chính sách, các văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình, chú trọng việc phân cấp cho địa phương. Sớm phân bổ nguồn vốn năm 2022, đồng thời thông báo vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025, bao gồm cả vốn sự nghiệp để tạo điều kiện cho các địa phương chủ động triển khai đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Chương trình;

- Ưu tiên, hỗ trợ tỉnh Quảng Trị tham gia các Đề án, các chương trình, chương trình thí điểm, các hợp phần do các Bộ, ngành Trung ương thực hiện trực tiếp hoặc lồng ghép thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, như: Đề án xây dựng nông thôn mới gắn với phòng chống thiên tai cấp huyện, xã, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; Chương trình cấp nước sạch nông thôn; Đề án phát triển du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới; Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ; Chương trình bảo tồn, phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam; Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

#### 2. Đối với Tỉnh ủy

Kính đề nghị Tỉnh ủy tăng cường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 04/11/201 của Tỉnh ủy; tổ chức đánh giá lại kết quả thực hiện phong trào “Ngày thứ 7 vì nông thôn mới” để điều chỉnh hoặc phát động phong trào mới phù hợp với tình hình thực tế.

#### 3. Đối với HĐND tỉnh

Kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, bố trí thêm nguồn lực từ ngân sách tỉnh để thực hiện Nghị quyết về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021, kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2022; UBND tỉnh kính báo cáo các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh nắm tình hình và chỉ đạo thực hiện./

#### Nơi nhận:

- Các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT, TC;
- VPĐP NTM Trung ương;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- VPĐP NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Lưu: VT, TH. *TC*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng



**Phụ lục 01**  
**CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**  
**CHƯƠNG TRÌNH**

(Kèm theo Báo cáo số **23** /BC-UBND ngày **16** tháng **02** năm 2022  
 của UBND tỉnh Quảng Trị)

| TT        | Loại văn bản     | Số, ngày, tháng ban hành                                                 | Trích yếu                                                                                                                   |
|-----------|------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Cấp tỉnh</b>  |                                                                          |                                                                                                                             |
| 1         | Nghị quyết       | Số 03-NQ/TU ngày 04/11/201 của Tỉnh ủy Quảng Trị                         | Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị |
| 2         | Đề án            | Tờ trình số 29-TTr/BCSD ngày 08/9/2021 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh     | Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030                  |
| 3         | Chương trình     | Số 08/CTr-BCĐ ngày 04/02/2021 của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh | Chương trình công tác trọng tâm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021                                 |
| 4         | Kế hoạch         | Số 218/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh                             | Triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025                         |
| 5         | Công văn         | Số 472/UBND-NN ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh                             | Về việc tiếp tục thực hiện các bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh trong năm 2021                                   |
| 6         | Công văn         | Số 1187/UBND-NN ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh                             | Về việc tiếp tục hoạt động của hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp                                           |
| 7         | Công văn         | Số 3038/UBND-NN ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh                             | Về việc thực hiện mục tiêu có 6 xã đạt chuẩn năm 2021                                                                       |
| <b>II</b> | <b>Cấp huyện</b> |                                                                          |                                                                                                                             |
| 1         | Nghị quyết       | Số 02-NQ/HU ngày 28/7/2021 của Huyện ủy huyện Vĩnh Linh                  | Về xây dựng huyện Vĩnh Linh trở thành huyện nông thôn mới trước năm 2025                                                    |
| 2         | Nghị quyết       | Số 95/NQ-HĐND ngày 22/9/2021 của HĐND huyện Vĩnh Linh                    | Về xây dựng huyện Vĩnh Linh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025                                                     |



| TT | Loại văn bản | Số, ngày, tháng ban hành                                  | Trích yếu                                                                                                                      |
|----|--------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | Nghị quyết   | Số 129/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Vĩnh Linh   | Về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới 3 xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà giai đoạn 2021-2025                      |
| 4  | Đề án        | Số 1507/ĐA-UBND ngày 01/9/2021 của UBND huyện Vĩnh Linh   | Đề án xây dựng huyện Vĩnh Linh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025                                                     |
| 5  | Nghị quyết   | Số 01-NQ/HU ngày 27/7/2021 của Huyện ủy huyện Gio Linh    | Về xây dựng huyện Gio Linh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025                                                              |
| 6  | Nghị quyết   | Số 44/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện Gio Linh      | Về xây dựng huyện Gio Linh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025                                                              |
| 7  | Kế hoạch     | Số 106/KH-UBND ngày 21/7/2021 của UBND huyện Gio Linh     | Xây dựng huyện Gio Linh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025                                                                 |
| 8  | Nghị quyết   | Số 04-NQ/HU ngày 29/7/2021 của Huyện ủy huyện Đakrông     | Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đakrông                                 |
| 9  | Kế hoạch     | Số 161/KH-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện Đakrông      | Về xây dựng thôn đạt chuẩn nông thôn mới và thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Đakrông giai đoạn 2020-2025         |
| 10 | Nghị quyết   | Số 02-NQ/HU ngày 20/4/2021 của Huyện ủy huyện Triệu Phong | Xây dựng huyện Triệu Phong đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025                                                              |
| 11 | Kế hoạch     | Số 1934/KH-UBND ngày 08/6/2021 của UBND huyện Triệu Phong | Thực hiện Nghị quyết 02-NQ/HU ngày 20/4/2021 của Huyện ủy về xây dựng huyện Triệu Phong đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025 |
| 12 | Đề án        | Số 894/ĐA-UBND ngày 24/3/2021 của UBND huyện Triệu Phong  | Xây dựng huyện Triệu Phong đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025                                                              |
| 13 | Nghị quyết   | Số 20/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 của HĐND huyện Hải Lăng      | Về xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025                                                                            |



| TT | Loại văn bản | Số, ngày, tháng ban hành                                                    | Trích yếu                                                                                                                                                                     |
|----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14 | Đề án        | Số 689/ĐA-UBND ngày 16/7/2020 của UBND huyện Hải Lăng                       | Xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025                                                                                                                              |
| 15 | Kế hoạch     | Số 1093/KH-UBND ngày 20/8/2021 của UBND huyện Hải Lăng                      | Triển khai thực hiện Đề án xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025                                                                                                   |
| 16 | Kế hoạch     | Số 54/KH-UBND ngày 28/01/2021 của UBND huyện Hướng Hóa                      | Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021                                                                                                                   |
| 17 | Kế hoạch     | Số 03/KH-BCĐ ngày 05/4/2021 của BCĐ xây dựng nông thôn mới thị xã Quảng Trị | Về củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2021                                                                                       |
| 18 | Nghị quyết   | Số 02-NQ/HU ngày 05/5/2021 của Huyện ủy huyện Cam Lộ                        | Xây dựng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, theo hướng nông nghiệp giá trị gia tăng cao, gắn với môi trường xanh - sạch - đẹp giai đoạn 2021-2025                 |
| 19 | Nghị quyết   | Số 05/NQ-HĐND ngày 07/5/2021 của HĐND huyện Cam Lộ                          | Thông qua Đề án xây dựng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, theo hướng nông nghiệp giá trị gia tăng cao, gắn với môi trường xanh - sạch - đẹp giai đoạn 2021-2025 |
| 20 | Kế hoạch     | Số 122/KH-UBND ngày 26/10/2021 của UBND huyện Cam Lộ                        | Xây dựng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, theo hướng nông nghiệp giá trị gia tăng cao, gắn với môi trường xanh - sạch - đẹp giai đoạn 2021-2025                 |



**Phụ lục 02**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**  
 (Kèm theo Báo cáo số **23** /BC-UBND ngày **16** tháng **02** năm 2022  
 của UBND tỉnh Quảng Trị)



*ĐVT: Triệu đồng*

| TT         | Nội dung                            | Thực hiện năm 2020 | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022 |
|------------|-------------------------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
|            | <b>Tổng số</b>                      | <b>11.307.845</b>  | <b>11.081.655</b>  | <b>11.771.182</b> |
| <b>I</b>   | <b>NS Trung ương</b>                | <b>376.620</b>     | <b>8.970</b>       | <b>144.608</b>    |
| 1          | Đầu tư phát triển                   | 299.020            | -                  | 124.479           |
| 2          | Sự nghiệp kinh tế                   | 77.600             | 8.970              | 20.129            |
| <b>II</b>  | <b>NS Địa phương</b>                | <b>173.150</b>     | <b>177.207</b>     | <b>246.836</b>    |
| 1          | Tỉnh                                | 30.000             | 30.000             | 40.000            |
| 2          | Huyện                               | 110.069            | 107.921            | 149.486           |
| 3          | Xã                                  | 33.082             | 39.286             | 57.350            |
| <b>III</b> | <b>Vốn lồng ghép</b>                | <b>292.100</b>     | <b>355.152</b>     | <b>389.275</b>    |
| <b>IV</b>  | <b>Tín dụng<sup>9</sup></b>         | <b>10.300.000</b>  | <b>10.352.994</b>  | <b>10.805.365</b> |
| <b>V</b>   | <b>Doanh nghiệp</b>                 | <b>47.441</b>      | <b>76.400</b>      | <b>62.458</b>     |
| <b>VI</b>  | <b>Huy động từ cộng đồng dân cư</b> | <b>118.534</b>     | <b>110.932</b>     | <b>122.640</b>    |

<sup>9</sup> Doanh số cho vay trên địa bàn tất cả các xã



**Phụ lục 03**  
**TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**  
 (Kèm theo Báo cáo số **23**/BC-UBND ngày **16** tháng **02** năm 2022  
 của UBND tỉnh Quảng Trị)

| TT | Mục tiêu                             | Thực hiện năm 2020 | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022 |
|----|--------------------------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| 1  | Mức đạt tiêu chí bình quân/xã        | 16                 | 16,1               | 16,35             |
| 2  | Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã   | 101                | 101                | 101               |
|    | Số xã đã đạt chuẩn NÔNG THÔN MỚI     | 57                 | 63                 | 69                |
| -  | Số xã đạt 19 tiêu chí                | 57                 | 59                 | 69                |
| -  | Số xã đạt 18 tiêu chí                | 0                  | 4                  | 1                 |
| -  | Số xã đạt 17 tiêu chí                | 6                  | 5                  | 3                 |
| -  | Số xã đạt 16 tiêu chí                | 9                  | 5                  | 0                 |
| -  | Số xã đạt 15 tiêu chí                | 1                  | 1                  | 1                 |
| -  | Số xã đạt 14 tiêu chí                | 0                  | 0                  | 0                 |
| -  | Số xã đạt 13 tiêu chí                | 3                  | 1                  | 1                 |
| -  | Số xã đạt 12 tiêu chí                | 2                  | 2                  | 2                 |
| -  | Số xã đạt 11 tiêu chí                | 2                  | 3                  | 2                 |
| -  | Số xã đạt 10 tiêu chí                | 5                  | 5                  | 6                 |
| -  | Số xã đạt 9 tiêu chí                 | 9                  | 6                  | 6                 |
| -  | Số xã đạt 8 tiêu chí                 | 6                  | 9                  | 10                |
| -  | Số xã đạt 7 tiêu chí                 | 1                  | 1                  | 0                 |
| 3  | Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí |                    |                    |                   |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Quy hoạch         | 101                | 101                | 101               |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Giao thông        | 71                 | 79                 | 81                |



| TT | Mục tiêu                                                    | Thực hiện năm 2020 | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022 |
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| -  | Số xã đạt tiêu chí Thủy lợi                                 | 93                 | 94                 | 95                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Điện                                     | 101                | 101                | 101               |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Trường học                               | 66                 | 66                 | 71                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa                   | 73                 | 74                 | 76                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn       | 96                 | 100                | 101               |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông                | 96                 | 95                 | 96                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Nhà ở dân cư                             | 74                 | 77                 | 78                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Thu nhập                                 | 72                 | 70                 | 73                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Hộ nghèo                                 | 73                 | 72                 | 73                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Lao động có việc làm thường xuyên        | 99                 | 99                 | 100               |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất                         | 76                 | 76                 | 77                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Giáo dục                                 | 77                 | 83                 | 84                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Y tế                                     | 97                 | 88                 | 89                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Văn hóa                                  | 101                | 97                 | 101               |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Môi trường và An toàn thực phẩm          | 68                 | 67                 | 72                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật | 84                 | 89                 | 90                |
| -  | Số xã đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh                    | 97                 | 99                 | 100               |